

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN.
- Tên tiếng Anh: SAIGONMARITIME JOINT STOCK CO.LTD
- Mã chứng khoán: SHC
- Năm báo cáo: năm 2019

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

- + Thành lập theo quyết định số 538/2002/QĐ – BGTVT ngày 01/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Hàng hải Sài Gòn, trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ Phần Hàng Hải Sài Gòn.
- + Niêm yết:
 - Năm 2006: Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 11/07/2006 theo QĐ số 56/UBCK.
 - Năm 2009: Cổ phiếu của Công ty được chuyển niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/05/2009 theo QĐ số 201/QĐ-TTGDHN của Trung tâm giao dịch Hà Nội.
 - Năm 2013: Cổ Phiếu của Công ty bị hủy niêm yết ngày 21/05/2013 do lỗ quá vốn điều lệ
 - Năm 2017: Cổ Phiếu của Công ty bắt đầu được giao dịch tại Sàn UPCOM vào ngày 13/10/2017
- + Các sự kiện khác:
 - Năm 2006: niêm yết lần đầu 14 tỷ tại SGDCK TPHCM;
 - Năm 2011: vốn điều lệ của Công ty là 37.095.500.000đ;
 - Năm 2012: vốn điều lệ của Công ty là 43.095.500.000đ;

2. Quá trình phát triển:

- + Ngành nghề kinh doanh:
 - _ Cung ứng dịch vụ hàng hải, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý container;
 - _ Đại lý giao nhận hàng hóa bằng đường biển, hàng không, đường bộ.
 - _ Vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ);
 - _ Xây dựng kết cấu hạ tầng dân dụng và bến cảng;
 - _ Đóng mới sửa chữa các loại rờ moóc, containeer, tàu thuyền, xà lan, ca nô;
 - _ Kinh doanh kho bãi;
 - _ Kinh doanh bất động sản, quản lý bất động sản. Cho thuê văn phòng;
 - _ Mua bán, bảo dưỡng sửa chữa xe và phụ tùng xe ô tô các loại;

- Khai thác cảng. Xếp dỡ hàng hóa. Khai thác và cho thuê tàu biển. Kinh doanh vận tải hàng hóa đường biển;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng gia đình
- Sản xuất đồ điện dân dụng, sản xuất đồ dùng gia đình bằng kim loại
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

- Tình hình hoạt động kinh doanh: Nhìn chung hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2019 rất tốt, công đã đạt và vượt kế hoạch HĐQT giao. Doanh thu đạt 119,5 tỷ bằng 101% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 7,5 tỷ bằng 104% kế hoạch lợi nhuận của năm 2019 nhưng bằng 170% so với thực hiện của năm 2018. Bên cạnh những khó khăn hiện nay như sự cạnh tranh với các đơn vị lớn, không có cảng biển, không có tàu biển, năng lực công ty còn nhỏ bé, lợi nhuận năm nay cũng thể hiện nỗ lực cố gắng của công ty. Tuy nhiên mảng vận chuyển bằng sà lan, xe đi các tỉnh Miền Tây còn thua lỗ do giá cước thấp, chi phí xếp dỡ tăng hàng năm. Giá xăng dầu tăng trong năm qua cũng tăng và đặc biệt các Doanh nghiệp Miền Tây chuyển sang đi bằng xe để thời gian nhanh hơn và thuận tiện hơn rất nhiều so với sà lan. Mảng kinh doanh này cũng là nỗi trăn trở của Ban Quản Trị công ty bởi nó là ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp, tài sản cũng như người lao động chiếm 60% toàn công ty. Bù lại năm nay công ty phát triển thêm mảng giao nhận quốc tế, mảng này cũng góp phần mang lại lợi nhuận đáng kể cho công ty.

- Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 5.972.754.144đ.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020:

- Hoán cải sà lan từ 96 teus lên 140 teus (cả hàng và rỗng) phục vụ tuyến Cái Mép
- Thay thế các xe đã cũ chi phí sửa chữa nhiều bằng các xe mới nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các đội xe.
- Phát triển dịch vụ giao nhận quốc tế
- Chú trọng vào đội ngũ sale nhằm tăng doanh thu tuyến nội địa

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Duy trì và phát triển dịch vụ chất lượng cao đảm bảo các yêu cầu khắt khe của khách hàng đáp ứng tình hình kinh doanh hiện tại.
- Mở rộng và phát triển Sàlan tuyến Cái Mép.
- Hoạch định và quản trị tuyến Miền Tây duy trì ngành nghề kinh doanh chính.
- Phát triển thêm mảng xuất nhập khẩu ủy thác sau khi đã tăng vốn.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

A. Những nét cơ bản về hoạt động kinh doanh trong năm 2019:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | % so với 2018 |
|----------------------|----------|---------------|
| Tổng giá trị tài sản | 80.566 | Tăng 9.6% |
| Doanh thu thuần | 119.511 | Tăng 1.2% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 7.312 | Tăng 67% |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.548 | Tăng 68% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.972 | Tăng 69% |

B. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | KH 2019 | TH 2019 | (+/-) % so với KH | (+/-) % so với 2018 |
|-----|-----------------------------|----------|----------|-------------------|---------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 43.095,5 | 43.095,5 | - | |
| 2 | Doanh thu thuần | 120.400 | 117.992 | +0.9% | +1.2% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 5.440 | 3.524 | +3.6% | +69% |
| 4 | LN sau thuế/Doanh thu thuần | 0,04 | 0,04 | | |
| 5 | LN sau thuế/Vốn điều lệ | 0,13 | 0,13 | | |

C. Báo cáo các chỉ tiêu tình hình tài chính:

| Các chỉ tiêu | Đvt | Năm 2019 | Năm 2018 |
|--|-----|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 1.71 | 1.23 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 1.71 | 1.23 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | Lần | 0.30 | 0.31 |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0.43 | 0.46 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |

| | | | |
|--|-----|--------|-------|
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1.48% | 1.6% |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4.99% | 2.98% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 10.63% | 7.02% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 7.41% | 4.79% |
| - Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 6.11% | 3.69% |

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019:

| <u>Giá trị sổ sách</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|-------------------|--------------------|
| - Tài sản tài chính: | 73.456.688.689 | 80.566.078.619 |
| - Nợ phải trả tài chính: | 23.279.583.068 | 24.416.218.854 |

- + Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không
- + Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): chỉ có 01 loại cổ phiếu phổ thông với số lượng: 4.309.550 cổ phiếu phổ thông lưu hành mệnh giá: 10.000đ/cp;
- + Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có;
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không có;
- + Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:
 - Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: 5.972.754.144 đồng
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 1.386/cp.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| ST T | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện 2019 | Thực hiện 2018 | Tăng trưởng 2019 so với 2018 |
|------|---------------------------------|--------|-----------------|-----------------|------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | Đồng | 119.511.457.961 | 117.992.284.136 | +1.2% |
| 2 | Tổng chi phí | Đồng | 111.963.145.493 | 113.508.777.431 | -1.3% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 7.548.312.468 | 4.483.506.705 | +68% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.972.754.144 | 3.524.981.914 | +69% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | % | 52% | 39% | |

| | | | | |
|----|--|---|------|-----|
| 6 | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | % | 47% | 61% |
| 7 | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | % | 30% | 37% |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | % | 5% | 2% |
| 9 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | % | 7.4% | 4% |
| 10 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | % | 10% | 7% |

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Năm qua các tài sản không hiệu quả, sử dụng kém hoặc dôi dư trong quá trình kinh doanh được thanh lý giảm bớt chi phí. Các khoản chi phí được kiểm soát chặt chẽ hơn.
- Phát triển thêm mảng kinh doanh mới tăng lợi nhuận cho cty
- Lợi nhuận sau thuế tăng 69% so với năm trước và đạt 103% kế hoạch năm. Kết quả này so với các đơn vị cùng ngành tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cũng đã mang lại hiệu quả đáng ghi nhận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2020 |
|--|--------|-------------------|
| Vốn điều lệ | Đồng | 88.095.500.000 |
| Tổng doanh thu | Đồng | 114.039.318.000 |
| Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 7.380.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.900.000.000 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu | % | 5.1 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ | % | 13 |
| Tỷ lệ cổ tức / Vốn điều lệ | % | - |

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 chưa tính phần doanh thu nếu tăng vốn phát triển thêm mảng kinh doanh mới:

- Quý I: Doanh số 26.2 tỷ đồng
- Quý II: Doanh số 27.1 tỷ đồng
- Quý III: Doanh số 28.9 tỷ đồng
- Quý IV: Doanh số 31.7 tỷ đồng

Về nhân sự năm 2019 như sau:

- Tổng giám đốc: Nguyễn Thị Vân Anh;
- Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Xuân Cường
- Phó Tổng Giám Đốc: Nguyễn Đình Hiệu
- Kế toán trưởng: Đoàn Thị Hào
- TP K.Thác tàu kiêm TP Giao nhận: Nguyễn Thành Sỹ
- Trưởng phòng Khai thác cont: Nguyễn Mạnh Đông
- Phó phòng Khai thác cont: Nguyễn Thị Tuyết Nhung
- Phó TGD kiêm TP Đại lý tàu biển: Nguyễn Đình Hiệu
- Trưởng phòng Kỹ thuật: Nguyễn Tiến Dũng;
- Trưởng Phòng TCHC: Phan Hồng Châu
- Giám Đốc CNHP: Nguyễn Thị Ngọc Bích
- Giám Đốc CNCT: Thái Thị Dương
- Trưởng VPĐD tại AG: Nguyễn Văn Minh Cường

IV. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C (đăng tải trên website: saigonmaritime.vn

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C
- Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn tại thời điểm ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Các nhận xét đặc biệt: không có.

2. Kiểm toán nội bộ

Không có

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức: không có;
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức: không có
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không có
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: - Công ty con – Công ty TNHH Vạn Phú, trong năm không phát sinh nghiệp vụ, đang làm thủ tục giải thể.

VII. Tổ chức và nhân sự:

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

- + HĐQT: gồm có 05 thành viên, 01 Chủ tịch HĐQT và 04 TV. HĐQT;
- + BKS: gồm có 01 thành viên;
- + BGĐ: gồm 03 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc;
- + Ban quản lý: 10 thành viên gồm Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng Đại diện.

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

| <i>Họ và tên</i> | <i>chức vụ</i> | <i>năm sinh</i> | <i>Trình độ chuyên môn</i> | <i>chức vụ khác</i> |
|-----------------------|----------------|-----------------|----------------------------|------------------------|
| Ông Nguyễn Xuân Phú | CT | 1971 | Cử nhân KT | CT tập đoàn Sunhouse |
| Bà Nguyễn Thị Vân Anh | TV | 1975 | Th.Sĩ Kinh Tế | TGD Cty |
| Ông Nguyễn Minh Thắng | TV | 1975 | Cử nhân KT | GĐ Sunhouse Miền Nam |
| Ông Nguyễn Sỹ Cung | TV | 1960 | Kỹ Sư KT VTB | GĐ VINALINES HCM |
| Ông Nguyễn Đình Hiệu | TV | 1970 | Cử nhân KT | P.TGD - TP, Đại lý tàu |

BAN KIỂM SOÁT:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Năm sinh</i> | <i>Trình độ chuyên môn</i> | <i>Chức vụ khác</i> |
|--------------------|----------------|-----------------|----------------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Vĩnh Hà | UV | 1977 | Cử nhân kinh tế | KT trưởng NM Sunhouse |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

| <i>Họ và tên</i> | <i>Chức vụ</i> | <i>Năm sinh</i> | <i>Trình độ chuyên môn</i> | <i>Ngày bổ nhiệm</i> |
|------------------------|----------------|-----------------|----------------------------|----------------------|
| Bà. Nguyễn Thị Vân Anh | TGD | 1975 | Th.Sĩ kinh tế | 26/05/2012 |
| Ông. Nguyễn Xuân Cường | PTGD | 1969 | Cử nhân kinh tế | 14/04/2013 |
| Ông. Nguyễn Đình Hiệu | PTGD | 1970 | Cử nhân kinh tế | 01/10/2018 |

3. Thay đổi TV Hội Đồng Quản Trị trong năm: không
4. Quyền lợi của Ban Giám đốc:

+ Tiền lương:

| <u>Chức danh</u> | <u>tiền lương</u> | <u>phụ cấp điện thoại</u> |
|------------------|-------------------|---------------------------|
| o Tổng Giám đốc | 22.000.000,đ | 400.000,đ |
| o Phó TGD | 16.000.000,đ | 400.000,đ |

+ Các quyền lợi khác: không có quyền lợi đặc biệt nào.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng tính đến 31/12/2019 có: 100 CB – CNV;

- + Chính sách: tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 67 CB-CNV;
 - + Năm 2019 tình hình hoạt động kinh doanh của công ty khá tốt. Những phòng đạt và vượt kế hoạch sẽ được thưởng theo quy chế thưởng lợi nhuận của HĐQT. Cụ thể, Phòng khai thác cont, Phòng giao nhận kho vận, phòng Đại lý tàu, Ban Giám Đốc quyết định trích thưởng 5-10% lợi nhuận đạt được cho các bộ phận trên.
- 6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**
- Do tình hình thực tế, quy mô công ty nhỏ gọn nên Ban Kiểm Soát chỉ còn 1 thành viên kiêm trưởng ban.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát:

- + Hội đồng quản trị: HĐQT có 05 thành viên, trong đó 03 thành viên độc lập không tham gia điều hành, có 02 thành viên tham gia điều hành Công ty chức danh TGD và PTGD
- + Ban kiểm soát: BKS có 01 thành viên, thành viên này độc lập không tham gia điều hành.
- + HĐQT họp định kỳ theo quý;
- + Thù lao của CT HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- + Thành viên HĐQT tham gia điều hành phụ cấp 2.000.000đ/tháng;
- + Thành viên BKS tham gia điều hành phụ cấp 1.000.000đ/tháng;
- + Năm 2018 không có khoản thưởng nào cho HĐQT và BKS.
- + Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): không có hoạt động này;
- + Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Phối hợp của HĐQT với BGD được chỉ đạo thường xuyên hơn trong công tác điều hành hoạt động của Công ty. BGD chủ động đề xuất các phương án trình HĐQT phê duyệt.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT (so với thời điểm lập BCTC năm trước): thay đổi trong năm 2019 là: Ông Nguyễn Đình Hiệu, TV HĐQT thay đổi từ 212.190CP lên 392.190CP.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông vốn Nhà nước năm 2019

| Số TT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc | Loại cổ phần | Số cổ phần | Tỷ lệ CP/VĐL | Ghi chú |
|-------|--------------------------------|---|-------------------|------------|--------------|---------|
| 1 | Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Số 1 Đào Duy Anh, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, Hà Nội | Cổ phần phổ thông | 437.400 | 10,14% | |

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn năm 2019:

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc | Loại cổ phần | Số cổ phần | Tỷ lệ CP/VĐL | Ghi chú |
|-----|--------------------|---|--------------|------------|--------------|---------|
| 1 | NGUYỄN ĐẠI THẮNG | 139/2 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội | phổ thông | 654.950 | 15,19% | |
| 2 | NGUYỄN MINH THẮNG | 2D2,12 Lô R1-1 Sky Garden, Phường Tân Phong, Q7 HCM | phổ thông | 636.280 | 14,76% | |
| 3 | NGUYỄN XUÂN PHÚ | Tầng 12 tòa nhà Vinaconex 9 Đường Phạm Hùng, Hà Nội | phổ thông | 600.000 | 13,92% | |
| 4 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH | 2D2,12 Lô R1-1 Sky Garden, Phường Tân Phong, Q7 HCM | phổ thông | 486.300 | 11,28% | |
| 5 | TCTY HÀNG HẢI VN | Số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội | phổ thông | 437.400 | 10,14% | |
| 6 | NGUYỄN ĐÌNH HIỆU | 137/32/29 Lê Văn Sỹ Q.PN, HCM | phổ thông | 392.190 | 9,01% | |

2.2. Cổ đông sáng lập

| Số TT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc | Loại cổ phần | Số cổ phần | Tỷ lệ CP/VĐL | Ghi chú |
|-------|----------------------------------|---|--------------|------------|--------------|---------|
| 1 | Bạch Thái Dũng | 75 Bà huyện Thanh Quan, P.6, Q.3, TPHCM | Phổ thông | 19.104 | 0,5% | |
| 2 | Đại diện vốn nhà nước: Nguyễn Sỹ | Số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội | Phổ thông | 437.400 | 10,14% | |

| | | | | | |
|---|----------------------|--|-----------|----------|--|
| | Cung | | | | |
| 3 | Lưu Tiến Ái | 23 Đặng Tắt, P.Tân Định, Q.1, TPHCM | Phổ thông | 0 | |
| 4 | Lý Bách Chấn | 22/4A5 Phạm Văn Chiêu, P.16, Q.GV, TPHCM | Phổ thông | 30 | |
| 5 | Nguyễn Thị Bích Hồng | 219/20 Phạm Ngũ Lão, Q.1, TPHCM | Phổ thông | 0 | |
| 6 | Phan Phong Thanh | 30/27N Thống Nhất, P.10, GV, TPHCM | Phổ thông | 0 | |
| 7 | Và 145 cổ đông khác | | Phổ thông | Năm 2006 | |

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Không có.

Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên 2019 của Công Ty Cổ Phần Hàng Hải Sài Gòn, được công bố đến Quý cổ đông và các bên liên quan theo quy định.



TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Nơi nhận:

- UBCK NN (để b/c)
- Lưu: TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh